TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 16/12/2024
V/v "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Ông **Trần Văn Đạt**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 và ngày 16 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2024/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp *"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản vợ chồng khi ly hôn"*

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 112/2024/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 425/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Hoài T,** sinh năm 1979; (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Hoài T là Luật sư Trần Thanh H – thuộc đoàn luật sư tỉnh T.

Bị đơn: **Phan Thị Song P,** sinh năm: 1977; (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trường X, sinh năm 1991; (Có mặt).

Địa chỉ: 1 T, phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2024.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1955; (Xin vắng mặt).

2. **Huỳnh Thị Y**, sinh năm 1957; (Xin vắng mặt).

3. **Nguyễn Thanh H1**, sinh năm 1983; (Xin vắng mặt).

4. **Nguyễn Thị Thanh T2**, sinh năm 1986; (Xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1976; (Xin vắng mặt).

6. **Ngô Thị H2**, sinh năm 1981; (Xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. **Nguyễn Ngọc M (T4)**, sinh năm 1982; (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số A Ô, khu A, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

8. **Nguyễn Kim P1**, sinh năm 1978; (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số A Ô, khu A, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

9. **Nguyễn Phú T5**, sinh năm 1980; (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số B Ô, khu B, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

10. **Công ty cổ phần T9**; (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ô, khu B, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện: Ông Lê Hoàng N – sinh năm 1963; (Xin vắng mặt)

11. **Nguyễn Thị Thanh T6**, sinh năm 1978; (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

12. **Nguyễn Thị Mỹ N1**, sinh năm 1983; (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo: Bị đơn Phan Thị Song P.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Hoài T trình bày: Anh và chị P sống chung năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh và chị P ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị P.

- Về con chung: có 01 cháu tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/04/2011, ly hôn anh đồng ý để chị P nuôi con và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung: anh và chị P có tạo lập tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm:

+ Phần đất trồng cây lâu năm diện tích 2.618,1m^2, (đo đạc thực tế 2.475,2m^2) thửa số 163, tờ bản đồ số 17, Sở tài nguyên & môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS22095 ngày 14/01/2019 cho Nguyễn Hoài T và Phan Thị Song P, trên đất hiện đang trồng dừa.

+ Phần đất trồng cây lâu năm diện tích 643,9m^2 (đo đạc thực tế 640,2m^2), thửa số 559, tờ bản đồ số 17, Sở tài nguyên & môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS22233 ngày 26/6/2019 cho Nguyễn Hoài T và Phan Thị Song P, trên đất hiện đang trồng mai, khoảng 160 gốc mai và ngôi nhà tạm diện tích 12,3m^2 ký hiệu BKC A3, 01 trệt, kết cấu móng cột gạch, nền lát gạch men, vách tường sơn, mái tole, không khu phụ, không trần, cửa chính là cửa gỗ.

+ 01 ngôi nhà xưởng diện tích 340m^2, cột bê tông, đòn tay bằng gỗ quy cách, nền xi măng, vách tole và 01 ngôi nhà ở diện tích 137,14m^2 loại nhà KCC1, 01 trệt nền lát gạch men, vách tường sơn, mái tole, cửa sắt kéo; 01 sân sau, 02 hồ nước trên phần đất diện tích 3.582,8m^2, thửa số 140, tờ bản đồ số 16, Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T1 vào ngày 03/03/2011. Phần đất này anh không yêu cầu chia.

Đất và nhà đều tọa lạc ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ 01 chiếc xe tải tự đổ, nhãn hiệu THACO, biển số 63C – 102.55.

+ 01 chiếc xe tải nhỏ, nhãn hiệu KIA, biển số 63C – 001.59.

+ 01 chiếc xe SH, nhãn hiệu Honda, biển số 63B4 – 681.59.

Cả ba chiếc xe trên đều do anh đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe

+ Các tài sản khác:

Thiết bị điện tử gồm: 02 tivi Sony; 02 tủ lạnh Panasonic; 01 tủ lạnh Sharp; 01 máy giặt Samsung; 01 máy lạnh Panasonic; 01 máy nước nóng Ferroli; 01 máy lạnh Daikin.

Đồ dùng gia đình gồm: 01 tủ nhôm kính; 01 tủ kính; 01 tủ chén 1; 01 tủ chén 2; 01 bàn Inox tròn; 01 bàn Inox vuông; 10 cái ghế Inox Nhật Phi; 01 kệ cây; 01 tủ quần áo.

Vật liệu xây dựng gồm: 20 ống 21 B; 30 ống 27 B; 20 ống 34 B; 10 ống 42 B; 10 ống 49 B; 10 ống 60 B; 10 ống 90 B; 01 cái bồn nhựa B; 22 cây ống 168 3,5ly; 03 cuộn ống dẻo da rắn; 80 ống 114 2,8ly, 30 ống 140 3,5ly; 20 ống 90 3 ly; 10 ống 90 2ly Hoa Sen; 12 ống 114 2ly Hoa Sen; 40 ống 60 1,6 ly; 30 ống 49 1,5ly; 40 ống 45 1,5 ly; 30 ống 34 1,5 ly; 100 ống 27 1,5ly; 130 ống 21 1,5 ly; 200 kg lưới B40; 400 kg Sắt 6, thép M1; 400kh Sắt 8, thép M1; 50 cây Sắt cây phi 10, M; 40 cây Sắt cây phi 12, Miền Nam; 50 bao xi măngVicem Hạ Long; 10 thiên gạch ống 8x8; 50 tấm Tole fibro; 200 kg đai sắt (tai dê); 50 kg kẽm đen (kẽm cột); 20 kg kẽm chì trắng; 30 kg kẽm chì; 40 tấm tole mỏng; 02 cây lưới lan đen; 50 cây nẹp điện tròn; 50 cây nẹp điện vuông; 20 tấn tole phẳng mỏng; 03 bàn cầu trệt; 06 cây thước nhôm hồ; 22 bóng đèn Rạng đông; 10 cưa sắt cây; 24 chai sơn xịt mịn và 02 cuộn dây điện, 01 máy bẻ tay dê.

Tất cả các tài sản hiện nay anh đang quản lý. Anh thống nhất giá trị tài sản như trong chứng thư thẩm định giá ngày 23/5/2023. Riêng máy bẻ tay dê anh và chị P thống nhất trị giá 35.000.000 đồng.

Ly hôn, chị P yêu cầu chia đôi tài sản chung, anh đồng ý. Anh yêu cầu nhận 01 chiếc xe tải biển số 63C – 102.55, 01 chiếc xe tải biển số 63C – 001.59, 01 chiếc xe SH 150i biển số 63B4 – 681.59 và 01 máy bẻ tay dê. Còn các tài sản khác gồm thiết bị điện tử, đồ dùng gia đình và vật liệu xây dựng, chị P nhận hiện vật và hoàn giá trị cho anh theo chứng thư thẩm định giá, ngôi nhà ở và nhà xưởng cất trên đất của ông T1 thì tháo dỡ và mỗi người nhận ½ hiện vật ngôi nhà.

Đối với 02 thửa đất anh yêu cầu hưởng hiện vật, cây trồng trên phần đất thửa số 163, tờ bản đồ số 17 là cây dừa loại D, anh không yêu cầu chia, dừa trên đất được chia cho người nào thì người đó hưởng. Cây mai vàng trên phần đất thửa số 559, tờ bản đồ số 17, cây cầu, cổng rào, anh và chị P không yêu cầu giải quyết, anh chị tự thỏa thuận.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng trong tài khoản 6904205151559 của anh tại Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn huyện C, anh không đồng ý chia đôi theo yêu cầu của chị P.

- Về nợ chung:

+ Nợ Công ty TNHH một thành viên G, địa chỉ 85A, quốc lộ B, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang số tiền 4.353.000 đồng.

+ Nợ chị Nguyễn Ngọc M (T10) số tiền 20.800.000 đồng.

+ Nợ Vật liệu xây dựng Tư Sành số tiền 291.933.000 đồng.

+ Nợ Vật liệu xây dựng Phước Tài L số tiền 125.593.000 đồng.

+ Nợ DNTN Phương Ngọc N2 số tiền 59.000.000 đồng.

+ Nợ Công ty Cổ phần T9 số tiền 36.752.000 đồng.

Tổng số tiền nợ chung là 538.431.000 đồng. Anh đã trả tiền nợ nên yêu cầu chị P hoàn lại số tiền 269.215.500 đồng.

- Đối với những người mua vật liệu xây dựng còn nợ tiền anh và chị P, anh không yêu cầu giải quyết, anh và chị P sẽ tự thỏa thuận và giải quyết trong vụ án khác.

- Về nợ riêng: không có.

Bị đơn chị Phan Thị Song P trình bày: Chị và anh T sống chung năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay anh T yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

- Về con chung: có 01 cháu tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/04/2011, ly hôn chị yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: quá trình chung sống, chị và anh T tạo lập tài sản chung gồm:

+ Phần đất trồng cây lâu năm diện tích 2.618,1m^2, (đo đạc thực tế 2.475,2m^2) thửa số 163, tờ bản đồ số 17, Sở tài nguyên & môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS22095 ngày 14/01/2019 cho Nguyễn Hoài T và Phan Thị Song P, trên đất hiện đang trồng dừa.

+ Phần đất trồng cây lâu năm diện tích 643,9m^2 (đo đạc thực tế 640,2m^2) thửa số 559, tờ bản đồ số 17, Sở tài nguyên & môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS22233 ngày 26/6/2019 cho Nguyễn Hoài T và Phan Thị Song P, trên đất hiện đang trồng mai, khoảng 160 gốc mai và ngôi nhà tạm diện tích 12,3m^2 ký hiệu BKC A3, 01 trệt, kết cấu móng cột gạch, nền lát gạch men, vách tường sơn, mái tole, không khu phụ, không trần, cửa chính là cửa gỗ.

+ 01 ngôi nhà xưởng diện tích 340m^2, cột bê tông, đòn tay bằng gỗ quy cách, nền xi măng, vách tole và 01 ngôi nhà ở diện tích 137,14m^2 loại nhà KCC1, 01 trệt nền lát gạch men, vách tường sơn, mái tole, cửa sắt kéo, sân sau và 02 hồ nước trên phần đất diện tích 3.582,8m^2, thửa số 140, tờ bản đồ số 16, Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T1 vào ngày 03/03/2011. Phần đất chị không yêu cầu chia.

Đất và nhà đều tọa lạc ấp T, xã X, huyện C.

+ 01 chiếc xe tải tự đổ, nhãn hiệu THACO biển số 63C – 102.55.

+ 01 chiếc xe tải nhỏ, nhãn hiệu KIA, biển số 63C – 001.59.

+ 01 chiếc xe SH nhãn hiệu Honda, biển số 63B4 – 681.59.

03 chiếc xe trên do anh T đứng tên giấy đăng ký xe.

+ Các tài sản khác chị thống nhất theo lời trình bày của anh T và đồng ý giá trị như trong chứng thư thẩm định giá ngày 23/5/2023. Máy bẻ tay dê chị và anh T thống nhất trị giá 35.000.000 đồng.

+ Số tiền 150.000.000 đồng trong tài khoản 6904205151559 của anh T tại Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn huyện C.

Tất cả các tài sản trên hiện nay anh T đang quản lý. Ly hôn, chị yêu cầu chia đôi tài sản chung và yêu cầu hưởng giá trị.

Đối với 02 thửa đất, chị yêu cầu hưởng hiện vật, cây trồng trên phần đất thửa số 163, tờ bản đồ số 17 là cây dừa loại D, chị không yêu cầu chia, dừa trên đất được chia cho người nào thì người đó hưởng. Cây mai vàng trên phần đất thửa số 559, tờ bản đồ số 17, cây cầu, cổng rào, chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: chị không đồng ý yêu cầu của anh T về việc yêu cầu chị hoàn lại số tiền 269.215.500 đồng vì chị hoàn toàn không biết các khoản nợ này, đây là nợ riêng của anh T khi chị không còn ở chung nhà với anh T từ tháng 11/2022.

- Đối với những người mua vật liệu xây dựng còn nợ tiền chị và anh T, chị không yêu cầu giải quyết, chị và anh T sẽ tự thỏa thuận và giải quyết trong vụ án khác.

- Về nợ riêng: không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T7 và bà Huỳnh Thị Y trình bày: ông bà là ba mẹ ruột của anh T, chị P vợ anh T là con dâu.

Trước đây, ông bà có cất chòi lá để giữ ruộng, cây ăn trái trên phần đất diện tích 3.582,8m^2, thửa số 140, tờ bản đồ số 16, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T1. Đất tại ấp T, xã X, huyện C. Khi anh T và chị P cưới nhau về sống chung với ông bà khoảng 06, 07 tháng thì vợ chồng ra chòi lá để coi lúa, cây ăn trái, sau này vợ chồng xây dựng nhà ở, nhà xưởng để bán vật liệu xây dựng như hiện nay. Anh T, chị P ly hôn có yêu cầu chia nhà ở, nhà xưởng cất trên phần đất của hộ ông T1 nhưng không có yêu cầu chia đất, Ông bà không có tranh chấp, không có yêu cầu và cũng không có ý kiến gì, để anh T, chị P tự quyết định. Do bận công việc nên ông bà xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh H1, anh Nguyễn Văn T3, chị Nguyễn Thị Thanh T2 và chị Ngô Thị H2 cùng trình bày: các anh chị là anh em của anh T. Anh T và chị P ly hôn có yêu cầu chia ngôi nhà ở và nhà xưởng cất trên phần đất diện tích 3.582,8m^2, thửa số 140, tờ bản đồ số 16, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T1, không có yêu cầu chia đất. Đất tại ấp T, xã X, huyện C, các anh chị là thành viên trong hộ ông Nguyễn Văn T1. Việc tranh chấp giữa anh T và chị P, các anh chị không có tranh chấp, không có yêu cầu và cũng không có ý kiến gì, để anh T, chị P tự quyết định. Do bận công việc nên anh chị xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc M (T) trình bày: chị và anh T, chị P không có quan hệ thân thuộc gì. Vào năm 2021, anh T, chị P có lấy gạch ống của chị để bán, lấy gạch xong là khoảng vài ngày sau thì anh T, chị P trả tiền đủ cho chị. Vào năm 2022, thời gian này anh T, chị P còn sống chung đã tiếp tục lấy gạch và nợ chị số tiền 20.800.000 đồng. Vào năm 2023, anh T đã trả chị số tiền 20.800.000 đồng. Do bận công việc nên chị xin vắng mặt.

Ông Lê Hồng Nghĩa L1 đại diện Công ty cổ phần T9 trình bày: anh T, chị P có mua xi măng và tol sóng của Công ty. Khi mua thì khoảng 01 đến 02 tháng sau thì anh T, chị P trả tiền cho công ty. Đến ngày 22/11/2022 thì phía anh T chị P nợ Công ty số tiền 36.752.000 đồng. Ngày 13/12/2022, anh T đã trả Công ty số tiền 36.752.000 đồng. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phú T5 trình bày: anh và anh T, chị P không có quan hệ thân thuộc gì. Vào năm 2015, anh T chị P mua vật liệu xây dựng tại Cửa hàng Vật liệu xây dựng Phước T của anh, khi mua thì vài ngày sau là anh T chị P trả tiền. Đến ngày 19/11/2022, anh T, chị P còn nợ

số tiền 123.843.000 đồng. Ngày 28/11/2022, anh T đã anh trả số tiền 123.843.000 đồng. Do bận công việc nên anh xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Kim P1 trình bày: chị và anh T, chị P không có quan hệ thân thuộc gì. Anh T, chị P có lấy cát, đá tại cửa hàng Vật liệu xây dựng T của chị khoảng mười mấy năm nay. Đến tháng 10/2022, anh T, chị P còn nợ chị số tiền 291.933.000 đồng. Sau tết năm 2024, khoảng tháng 02/2024, anh T đã trả chị số tiền 291.933.000 đồng. Do bận công việc nên chị xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ N1 trình bày: chị và anh T, chị P không có quan hệ thân thuộc gì. Phía cửa hàng H3 có mua gạch bên Công ty G của chị nợ số tiền 4.353.000 đồng, anh T đã trả chị số tiền 4.353.000 đồng. Do bận công việc nên chị xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T6 trình bày: chị và anh T, chị P không có quan hệ thân thuộc gì. Anh T, chị P có mua vật liệu xây dựng của Doanh nghiệp tư nhân Phương Ngọc N2 do chị đại diện. Hai bên buôn bán đã lâu. Đến năm 2022, khi tổng kết nợ thì anh T chị P còn nợ số tiền 59.000.000 đồng. Ngày 30/03/2024, anh T đã trả chị số tiền 59.000.000 đồng. Do bận công việc nên chị xin vắng mặt.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 112/2024/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165, khoản 1 Điều 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hoài T.

1. Về tình cảm: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hoài T và chị Phan Thị Song P.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/04/2011 cho chị Phan Thị Song P tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Anh Nguyễn Hoài T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi, lao động được. Thời gian cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không chịu cấp dưỡng và trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh T còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh tiền chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.Về tài sản chung:

3.1 Chấp nhận một phần yêu cầu chia đôi tài sản chung của chị Phan Thị Song P.

- Chị Phan Thị Song P được quyền sử dụng diện tích đất là 280,4m^2, đất trồng cây lâu năm (gồm các phần đất ký hiệu T-1, T-2) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 22/3/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ) trong diện tích 643,9m^2, qua đo đạc thực tế có diện tích 640,2m^2, đất trồng cây lâu năm, thửa số 559, tờ bản đồ số 17 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS22233 do Sở tài nguyên & môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Hoài T và chị Phan Thị Song P vào ngày 26/6/2019.

Chị Phan Thị Song P được quyền sử dụng diện tích đất là 1.301,5m^2, đất trồng cây lâu năm (gồm phần đất ký hiệu T-6) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 22/3/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ) trong diện tích 2.618,1m^2, (đo đạc thực tế 2.475,2m^2), đất trồng cây lâu năm, thửa số 163, tờ bản đồ số 17 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS22095 do Sở tài nguyên & môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Hoài T và chị Phan Thị Song P vào ngày 14/01/2019.

- Anh Nguyễn Hoài T được quyền sử dụng diện tích đất là 359,8m^2, đất trồng cây lâu năm (gồm các phần đất ký hiệu T-3, T-4) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 22/3/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ) trong diện tích 643,9m^2, qua đo đạc thực tế có diện tích 640,2m^2, đất trồng cây lâu năm, thửa số 559, tờ bản đồ số 17 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS22233 do Sở tài nguyên & môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Hoài T và chị Phan Thị Song P vào ngày 26/6/2019.

Anh Nguyễn Hoài T được quyền sử dụng diện tích đất là 1.173,7 m^2, đất trồng cây lâu năm (gồm phần đất ký hiệu T-5) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 22/3/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ) trong diện tích 2.618,1m^2, (đo đạc thực tế 2.475,2m^2), đất trồng cây lâu năm, thửa số 163, tờ bản đồ số 17 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS22095 do Sở tài nguyên & môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Hoài T và chị Phan Thị Song P vào ngày 14/01/2019.

Đất tại ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh Nguyễn Hoài T và chị Phan Thị Song P được quyền sở hữu cây trồng (cây dừa) trên mỗi phần đất được chia cho các đương sự (trong diện tích

2.618,1m², (đo đạc thực tế 2.475,2m²), đất trồng cây lâu năm, thửa số 163, tờ bản đồ số 17).

Vị trí, kích thước của các phần đất được chia cho các đương sự có sơ đồ đo đạc theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 22/3/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ.

(Có kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 22/3/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ các cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai để tiến hành các thủ tục cấp quyền sử dụng diện tích đất được chia như nêu trên theo nội dung Quyết định của Bản án này.

- Chia cho chị Phan Thị Song P sở hữu các tài sản gồm:

+ Ngôi nhà tạm diện tích 12,3m² ký hiệu BKC A3, 01 trệt, kết cấu móng cột gạch, nền lát gạch men, vách tường sơn, mái tole, không khu phụ, không trần, cửa chính là cửa gỗ trên phần đất được chia có diện tích 280,4m², đất trồng cây lâu năm (gồm các phần đất ký hiệu T-1, T-2).

+ Thiết bị điện tử: 01 máy lạnh Daikin, 01 tivi Sony (trị giá 6.682.000 đồng), 01 tủ lạnh Sharp, 01 máy nước nóng Ferroli.

+ Đồ dùng gia đình: 01 bàn Inox tròn, 10 cái ghế Inox Nhật Phi, 01 tủ nhôm kính, 01 tủ chén, 01 tủ quần áo.

+ Vật liệu xây dựng: 10 ống 21 B; 15 ống 27 B; 10 ống 34 B; 05 ống 42 B; 05 ống 49 B; 05 ống 60 B; 05 ống 90 B; 11 cây ống 168 3,5ly; 03 cuộn ống dẻo da răn; 40 ống 114 2,8ly, 15 ống 140 3,5ly; 10 ống 90 3 ly; 05 ống 90 2ly Hoa Sen; 06 ống 114 2ly Hoa Sen; 20 ống 60 1,6 ly; 15 ống 49 1,5ly; 40 ống 42 1,5 ly; 15 ống 34 1,5 ly; 50 ống 27 1,5ly; 65 ống 21 1,5 ly; 100 kg lưới B40; 200 kg Sắt 6, thép M1; 400kh Sắt 8, thép M1; 25 cây Sắt cây phi 10, M; 20 cây Sắt cây phi 12, Miền Nam; 25 bao xi măngVicem H; 05 thiên gạch ống 8x8; 25 tấm Tole fibro; 100 kg đai sắt (tai dê); 25 kg kẽm đen (kẽm cột); 10 kg kẽm chì trắng; 15 kg kẽm chì; 20 tấm tole mỏng trị giá 5.446.667 đồng; 01 cây lưới lan đen trị giá 1.177.333 đồng; 25 cây nẹp điện tròn; 25 cây nẹp điện vuông; 10 tấn tole phẳng mỏng; 03 cây thước nhôm hồ; 11 bóng đèn Rạng đông; 05 cưa sắt cây; 12 chai sơn xịt mịn và 01 cuộn dây điện.

- Chia cho anh Nguyễn Hoài T sở hữu các tài sản gồm:

+ Ngôi nhà xưởng diện tích 340m², cột bê tông, đòn tay bằng gỗ quy cách, nền xi măng, vách tole và ngôi nhà ở diện tích 137,14m² loại nhà KCC1, 01 trệt nền lát gạch men, vách tường sơn, mái tole, cửa sắt kéo; sân sau diện tích 39,9m²; 02 hồ nước thể tích 7,72m³ (3,86m³/ hồ).

+ 01 chiếc xe tải tự đổ, nhãn hiệu Honda, biển số 63C – 102.55; 01 chiếc xe tải nhỏ, nhãn hiệu KIA, biển số 63C – 001.59 và 01 chiếc xe SH, nhãn hiệu Honda, biển số 63B4 – 681.59.

+ Thiết bị điện tử: 02 tủ lạnh Panasonic, 01 máy lạnh Panasonic, 01 tivi Sony (trị giá 5.348.333 đồng), 01 máy giặt S.

+ Đồ dùng gia đình: 01 tủ chén, 01 tủ kính, 01 kệ cây và 01 bàn Inox vuông.

+ Vật liệu xây dựng: 10 ống 21 B; 15 ống 27 B; 10 ống 34 B; 05 ống 42 B; 05 ống 49 B; 05 ống 60 B; 05 ống 90 B; 01 cái bồn nhựa B; 11 cây ống 168 3,5ly; 40 ống 114 2,8ly, 15 ống 140 3,5ly; 10 ống 90 3 ly; 05 ống 90 2ly Hoa Sen; 06 ống 114 2ly Hoa Sen; 20 ống 60 1,6 ly; 15 ống 49 1,5ly; 40 ống 42 1,5 ly; 15 ống 34 1,5 ly; 50 ống 27 1,5ly; 65 ống 21 1,5 ly; 100 kg lưới B40; 200 kg Sắt 6, thép M1; 400kh Sắt 8, thép M1; 25 cây Sắt cây phi 10, M; 20 cây Sắt cây phi 12, Miền Nam; 25 bao xi măngVicem H; 05 thiên gạch ống 8x8; 25 tấm Tole fibro; 100 kg đai sắt (tai dê); 25 kg kẽm đen (kẽm cột); 10 kg kẽm chì trắng; 15 kg kẽm chì; 20 tấm tole mỏng trị giá 5.446.667 đồng; 01 cây lưới lan đen trị giá 1.177.333 đồng; 25 cây nẹp điện tròn; 25 cây nẹp điện vuông; 10 tấn tole phẳng mỏng; 03 bàn cầu trệt; 03 cây thước nhôm hồ; 11 bóng đèn Rạng đông; 05 cưa sắt cây; 12 chai sơn xịt mịn, 01 cuộn dây điện và 01 máy bẻ tay dê.

Tổng giá trị tài sản chung của anh T, chị P trong thời kỳ hôn nhân là 4.016.531.000 đồng (Bốn tỷ không trăm mười sáu triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn đồng). Chia đôi, anh T, chị P mỗi người được nhận tài sản trị giá 2.008.265.500 đồng (Hai tỷ không trăm lẻ tám triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Tài sản anh T sở hữu trị giá là 2.498.931.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn đồng). Tài sản chị P sở hữu trị giá là 1.517.600.000 đồng (Một tỷ năm trăm mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Anh T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị P số tiền là 495.771.000 đồng (Bốn trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3.2 Không chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Song P chia đôi số tiền 150.000.000 đồng.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoài T yêu cầu chị Phan Thị Song P hoàn lại ½ số tiền nợ chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân.

Buộc chị Phan Thị Song P có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Nguyễn Hoài T số tiền 145.966.500 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

5. Về chi phí thẩm định, đo đạc, định giá tài sản: Anh T có nghĩa vụ hoàn lại cho chị P số tiền 21.425.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/4/2024, bị đơn Phan Thị Song P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm. Ngày 13 tháng 11 năm 2024 chị P có đơn kháng cáo trình bày: Chị không đồng ý hoàn lại ½ số tiền nợ chung trong thời kỳ hôn nhân là 145.966.500 đồng vì nguồn tài sản đã trả được từ nguồn thu nhập kinh doanh cửa hàng vật liệu xây dựng trong thời kỳ hôn nhân. Chị P yêu cầu chia đôi số tiền 150.000.000 đồng là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, số tiền này trong tài khoản ngân hàng do anh T muốn ly hôn nên đã rút hết. Chi phí thẩm định, đo đạc, định giá tài sản là 64.850.000 đồng, anh T phải hoàn lại chị 32.425.000 đồng. Chị yêu cầu được nhận phần đất có vị trí T3+T4+T5 của thửa 559 và thửa 163 vì vị trí đất này giáp ranh với bà Trần Thị T8 là chị dâu của chị P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị P là anh X xin rút phần tranh chấp 150.000.000 đồng, anh T xin rút phần tranh chấp tiền nợ mua vật liệu xây dựng của Công ty trách nhiệm hữu hạn T11 số tiền 291.933.000 đồng. Đối với tiền chi phí tố tụng anh T đồng ý trả lại cho chị P 32.425.000 đồng. Chị P xin đổi vị trí đất được nhận sang vị trí đất có ký hiệu T3+T4+T5, anh T không đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị P là anh X nêu lý do xin đổi phần đất chị được nhận sang vị trí đất có ký hiệu T3+T4+T5 vì chị P dự định sang nhượng thêm đất của bà T8 để mở rộng diện tích.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T không đồng ý nhận phần đất có ký hiệu T1, T2, T6, nếu chị P muốn đổi đất để sang nhượng thêm thì anh sẽ để chị P nhận hết hai thửa đất 163 và 559, chị P sẽ chia cho anh giá trị đất bằng tiền theo giá của chứng thư thẩm định giá. Đối với phần cây cầu bắc qua phần đất có ký hiệu T4 anh T được chia, anh T đồng ý cho chị P sử dụng chung.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh Nguyễn Hoài T phát biểu quan điểm: Anh T xin rút phần tranh chấp số tiền 291.933.000 đồng và chị P xin rút phần tranh chấp số tiền 150.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng ghi nhận.Về chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận mỗi người chịu 32.425.000 đồng. Về việc chị P yêu cầu được đổi vị trí đất sang ký hiệu T3+T4+T5 với lý do chị P dự

định sang thêm đất của bà T8 là không chính đáng đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm đối với phần này.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của chị Phan Thị Song P:

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Phan Thị Song P. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 112/2024/HNGĐ-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo hướng anh T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị P với số tiền là 472.085.813 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu của chị P về việc yêu cầu chia đôi số tiền 150.000.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu của anh T về việc yêu cầu chị P trả lại anh số tiền 145.966.500 đồng.

Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm khi chia đất cho anh T và chị P cũng cần xém xét đến đường đi ra đường công cộng, vì anh T tự nguyện để chị P sử dụng chung cây cầu xây dựng qua kênh để đi ra đường nhựa.

Sửa về chi phí tố tụng, anh T và chị P mỗi người chịu 32.425.000 đồng.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của chị Phan Thị Song P, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung" là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do chị Phan Thị Song P nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Các đương sự Nguyễn Văn T1, Huỳnh Thị Y, Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Văn T3, Ngô Thị H2, Nguyễn Ngọc M (T), Nguyễn Kim P1, Nguyễn Phú T5, Ông Lê Hoàng N, Nguyễn Thị Thanh T6, Nguyễn Thị Mỹ N1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm chị P xin rút phần tranh chấp phần chia tài sản chung là số tiền 150.000.000 đồng, anh T xin rút phần tranh chấp tiền nợ mua vật liệu xây dựng của Công ty trách nhiệm hữu hạn T11 số tiền 291.933.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của chị P và anh T là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của anh T và chị P theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với chi phí tố tụng chị P đã nộp 64.850.000 đồng, anh T đồng ý hoàn lại chị 32.425.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Tài sản mà chị P kháng cáo là bất động sản thuộc thửa 163, tờ bản đồ số 17 và bất động sản thửa 559, tờ bản đồ số 17, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Hoài T và chị Phan Thị Song P vào ngày 14/01/2019 và ngày 21/8/20120, chỉ hai thửa đất tại ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang:

Đối với tài sản là bất động sản thuộc thửa 163, tờ bản đồ số 17 và bất động sản thuộc thửa 559, tờ bản đồ số 17, theo chứng thư định giá số 23341/CT-TĐG ngày 23/5/2023 của Công ty TNHH T12: Các tài sản này giá trị tài sản mà chị P, anh T được chia theo án sơ thẩm có giá trị như sau:

- Chị P được chia thửa đất 559, diện tích 280,4m^2, đơn giá là 835.551 đồng/m^2, thành tiền là 234.288.500 đồng; Thửa đất 163, diện tích 1301,5m^2, đơn giá là 835.551 đồng, thành tiền là 1.087.469.626 đồng. Chị P được chia công trình xây dựng, nhà tạm thuộc thửa đất 559 với giá trị: 30.907.440 đồng;

Tổng giá trị quyền sử dụng đất và nhà tạm của thửa 559 và thửa 163 chị P được chia: 1.352.665.566 đồng.

- Anh T được chia thửa đất 559, diện tích 359,8m^2, đơn giá là 835.551 đồng/m^2, thành tiền 300.631.249 đồng; Thửa đất 163, diện tích 1.173,7m^2, đơn giá là 835.551 đồng/m^2, thành tiền là 980.686.208 đồng.

Tổng cộng thành tiền diện tích đất thửa 559 và thửa 163 mà anh T được chia có giá trị là 1.281.317.475 đồng.

Như vậy, tại phần chia tài sản là quyền sử dụng đất và nhà tạm tại thửa 559 và thửa 163 này, chị P phải hoàn lại giá trị chênh lệch cho anh T là (1.352.665.566 đồng - 1.281.317.457 đồng) : 2 = 35.674.054đồng.

Chị P kháng cáo yêu cầu được nhận sang vị trí đất có ký hiệu T3+T4+T5 để chị sang nhượng thêm đất của bà T8 mở rộng diện tích đất nhưng anh T không đồng ý, anh T yêu cầu nếu chị P muốn đổi đất để sang nhượng thêm của

bà T8 thì anh sẽ để chị P nhận hết hai thửa đất 163 và 559, chị P sẽ chia cho anh giá trị đất bằng tiền theo giá của chứng thư thẩm định giá. Phía chị P không đồng ý nhận hết hai thửa đất nêu trên để chia giá trị đất bằng tiền cho anh T. Hội đồng xét xử nhận thấy lý do chị P kháng cáo để yêu cầu nhận đất ở vị trí T3+T4+T5 như đã nêu trên là không chính đáng vì chị có yêu cầu đổi vị trí đất được chia để chị sang nhượng thêm nhưng anh T để chị nhận hết đất và chia tài sản cho anh T bằng giá trị thì chị không đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của chị P.

[2.4] Đối với tài sản chung Tòa sơ thẩm chia nhưng các đương sự không có kháng cáo gồm có thiết bị điện tử, đồ dùng gia đình, vật liệu xây dựng và nhà kho, giá trị các tài sản căn cứ theo chứng thư định giá số 2342 ngày 23/5/2023 của Công ty TNHH T12:

+ Chị P được chia:

- Về thiết bị điện tử: 01 máy lạnh Daikin, 01 tivi Sony (trị giá 6.682.000 đồng), 01 tủ lạnh Sharp, 01 máy nước nóng Ferroli, các tài sản này có giá trị là 24.430.333 đồng

- Đồ dùng gia đình: 01 bàn Inox tròn, 10 cái ghế Inox Nhật Phi, 01 tủ nhôm kính, 01 tủ chén, 01 tủ quần áo, các tài sản này có giá trị là 28.616.000 đồng.

- Vật liệu xây dựng: 10 ống 21 B; 15 ống 27 B; 10 ống 34 B; 05 ống 42 B; 05 ống 49 B; 05 ống 60 B; 05 ống 90 B; 11 cây ống 168 3,5ly; 03 cuộn ống dẻo da rắn; 40 ống 114 2,8ly, 15 ống 140 3,5ly; 10 ống 90 3 ly; 05 ống 90 2ly Hoa Sen; 06 ống 114 2ly Hoa Sen; 20 ống 60 1,6 ly; 15 ống 49 1,5ly; 20 ống 42 1,5 ly; 15 ống 34 1,5 ly; 50 ống 27 1,5ly; 65 ống 21 1,5 ly; 100 kg lưới B40; 200 kg Sắt 6, thép M1; 400kg Sắt 8, thép M1; 25 cây Sắt cây phi 10, M; 20 cây Sắt cây phi 12, Miền Nam; 25 bao xi măngVicem H; 05 thiên gạch ống 8x8; 25 tấm Tole fibro; 100 kg đai sắt (tai dê); 25 kg kẽm đen (kẽm cột); 10 kg kẽm chì trắng; 15 kg kẽm chì; 20 tấm tole mỏng trị giá 5.446.667 đồng; 01 cây lưới lan đen trị giá 4.477.333 đồng; 25 cây nẹp điện tròn; 25 cây nẹp điện vuông; 10 tấm tole phẳng mỏng; 03 cây thước nhôm hồ; 11 bóng đèn Rạng đông; 05 cưa sắt cây; 12 chai sơn xịt mịn và 01 cuộn dây điện, các tài sản này có giá trị là 112.968.333 đồng.

Xét thấy, qua kiểm tra tài sản theo chứng thư thẩm định giá nêu trên thì Tòa sơ thẩm có ghi nhầm đối với vật liệu xây dựng chị P được chia như sau: Đối với ống 42 1,5 ly, chị P được chia 40 ống nhưng phần tài sản này được chia hai cho chị và anh T nên chị P chỉ được nhận 20 ống. Đối với lưới lan đen có hai

cây: 01 cây thành tiền là 4.477.333 đồng, 01 cây thành tiền là 2.238.667 đồng nhưng tòa sơ thẩm ghi chia cho chị P 01 cây lưới lan đen trị giá là 1.177.333 đồng là không đúng nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại chia cho chị P 01 cây lưới lan đen trị giá 4.477.333 đồng. Đối với tấm tole phẳng mỏng, Tòa sơ thẩm ghi chia cho chị P 10 tấn là không đúng nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại chia cho chị P 10 tấm tole phẳng mỏng.

Tổng cộng đối với tài sản là thiết bị điện tử, đồ dùng gia đình và vật liệu xây dựng chị P nhận trị giá là 166.014.666 đồng.

+ Anh T được chia:

+ Ngôi nhà xưởng diện tích 340m^2, cột bê tông, đòn tay bằng gỗ quy cách, nền xi măng, vách tole và ngôi nhà ở diện tích 137,14m^2 loại nhà KCC1, 01 trệt nền lát gạch men, vách tường sơn, mái tole, cửa sắt kéo; sân sau diện tích 39,9m^2; 02 hồ nước thể tích 7,72m^3 (3,86m^3/ hồ), có giá trị 636.735.734 đồng.

+ 01 chiếc xe tải tự đổ, nhãn hiệu Honda, biển số 63C – 102.55; 01 chiếc xe tải nhỏ, nhãn hiệu KIA, biển số 63C – 001.59 và 01 chiếc xe SH, nhãn hiệu Honda, biển số 63B4 – 681.59, các tài sản này có giá trị 380.343.000 đồng.

+ Thiết bị điện tử: 02 tủ lạnh Panasonic, 01 máy lạnh Panasonic, 01 tivi Sony (trị giá 5.348.333 đồng), 01 máy giặt Samsung, các tài sản này có giá trị 23.836.667 đồng.

+ Đồ dùng gia đình: 01 tủ chén, 01 tủ kính, 01 kệ cây và 01 bàn Inox vuông, các tài sản này có giá trị 18.980.000 đồng.

+ Vật liệu xây dựng: 10 ống 21 B; 15 ống 27 B; 10 ống 34 B; 05 ống 42 B; 05 ống 49 B; 05 ống 60 B; 05 ống 90 B; 01 cái bồn nhựa B; 11 cây ống 168 3,5ly; 40 ống 114 2,8ly, 15 ống 140 3,5ly; 10 ống 90 3 ly; 05 ống 90 2ly Hoa Sen; 06 ống 114 2ly Hoa Sen; 20 ống 60 1,6 ly; 15 ống 49 1,5ly; 20 ống 42 1,5 ly; 15 ống 34 1,5 ly; 50 ống 27 1,5ly; 65 ống 21 1,5 ly; 100 kg lưới B40; 200 kg Sắt 6, thép M1; 400kh Sắt 8, thép M1; 25 cây Sắt cây phi 10, M; 20 cây Sắt cây phi 12, Miền Nam; 25 bao xi măngVicem H; 05 thiên gạch ống 8x8; 25 tấm Tole fibro; 100 kg đai sắt (tai dê); 25 kg kẽm đen (kẽm cột); 10 kg kẽm chì trắng; 15 kg kẽm chì; 20 tấm tole mỏng trị giá 8.180.000 đồng; 01 cây lưới lan đen trị giá 2.238.667 đồng; 25 cây nẹp điện tròn; 25 cây nẹp điện vuông; 10 tấm tole phẳng mỏng; 03 bàn cầu trệt; 03 cây thước nhôm hồ; 11 bóng đèn Rạng đông; 05 cưa sắt cây; 12 chai sơn xịt mịn, 01 cuộn dây điện và 01 máy bẻ tay dê, các tài sản này có giá trị 121.639.000 đồng.

Xét thấy, qua kiểm tra tài sản theo chứng thư thẩm định giá nêu trên thì Tòa sơ thẩm có ghi nhầm đối với vật liệu xây dựng anh T được chia như sau:

Đối với ống 42 1,5 ly, anh T được chia 40 ống nhưng phần tài sản này được chia hai cho chị và anh T nên anh T chỉ được nhận 20 ống. Đối với lưới lan đen có hai cây: 01 cây thành tiền là 4.477.333 đồng, 01 cây thành tiền là 2.238.667 đồng nhưng tòa sơ thẩm ghi chia cho anh T 01 cây lưới lan đen trị giá là 1.177.333 đồng là không đúng nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại chia cho anh T 01 cây lưới lan đen trị giá 2.238.667 đồng. Đối với tấm tole phẳng mỏng, Tòa sơ thẩm ghi chia cho anh T 10 tấn là không đúng nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại chia cho anh T 10 tấm tole phẳng mỏng.

Đối với tài sản là thiết bị điện tử, đồ dùng gia đình, vật liệu xây dựng anh T được chia có giá trị là 164.455.667 đồng.

Tổng các tài sản là phương tiện, nhà xưởng, thiết bị điện tử, đồ dùng gia đình, vật liệu xây dựng anh T được chia có giá trị là 1.181.534.401 đồng.

Như vậy, các tài sản nêu trên anh T nhận tài sản có giá trị cao hơn chị P là 1.017.718.735 đồng. Vậy anh T phải có nghĩa vụ trả lại cho chị P giá trị tài sản chênh lệch đối với các tài sản nêu trên là 507.759.867 đồng.

[2.5] Tổng hợp lại, anh T hoàn lại giá trị chênh lệch tài sản cho chị P là 507.759.867đồng - 35.674.054đồng = 472.085.813đồng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm anh T đồng ý đối với phần cây cầu bắc qua phần đất có ký hiệu T4 anh T được chia, anh T đồng ý cho chị P sử dụng chung, sự tự nguyện này của anh T là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các phần khác các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm như đã phân tích nêu trên.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của Luật sư là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con anh T phải chịu 600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà anh T và chị P tranh chấp được Tòa án giải quyết bao gồm: Phương tiện; Thiết bị điện tử; đồ dùng gia đình; vật liệu xây dựng trị giá 710.813.000 đồng, quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 163 là 2.068.155.835 đồng, quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 559 là 534.919.750 đồng; công trình nhà tạm trên thửa 559 là 30.907.440 đồng; Công

trình xây dựng tọa lạc tại ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang là 636.735.734 đồng. Tổng giá trị tài sản nêu trên là 3.981.531.759 đồng, chia hai mỗi người được hưởng giá trị tài sản là 1.990.765.789 đồng, vậy anh T và chị P mỗi người chịu án phí chia tài sản là 71.722.976 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tính án phí anh T và chị P mỗi người phải chịu là 72.165.000 đồng là chưa chính xác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại phần án phí chia tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, Căn cứ Điều 299, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313, và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Phan Thị Song P.

- Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 112/2024/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ các Điều 55, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoài T.

1. Đình chỉ việc chị Phan Thị Song P kiện yêu cầu anh Nguyễn Hoài T chia đôi số tiền 150.000.000 đồng.

- Đình chỉ việc anh Nguyễn Hoài T kiện yêu cầu chị Phan Thị Song P trả lại ½ số tiền 291.933.000 đồng.

2. Về tình cảm: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hoài T và chị Phan Thị Song P.

3. Về con chung: giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/04/2011 cho chị Phan Thị Song P tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Anh Nguyễn Hoài T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi, lao động được.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về chia tài sản chung:

3.1 Chị Phan Thị Song P được chia:

- Chị Phan Thị Song P được quyền sử dụng diện tích đất là 280,4m^2, đất trồng cây lâu năm (gồm các phần đất ký hiệu T-1, T-2) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 22/3/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu

hạn Đ) trong diện tích 643,9m², qua đo đạc thực tế có diện tích 640,2m², đất trồng cây lâu năm, thửa số 559, tờ bản đồ số 17 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS22233 do Sở tài nguyên & môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Hoài T và chị Phan Thị Song P vào ngày 26/6/2019.

Chị Phan Thị Song P được quyền sử dụng diện tích đất là 1.301,5m², đất trồng cây lâu năm (gồm phần đất ký hiệu T-6) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 22/3/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ) trong diện tích 2.618,1m², (đo đạc thực tế 2.475,2m²), đất trồng cây lâu năm, thửa số 163, tờ bản đồ số 17 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS22095 do Sở tài nguyên & môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Hoài T và chị Phan Thị Song P vào ngày 14/01/2019.

- Ngôi nhà tạm diện tích 12,3m² ký hiệu BKC A3, 01 trệt, kết cấu móng cột gạch, nền lát gạch men, vách tường sơn, mái tole, không khu phụ, không trần, cửa chính là cửa gỗ trên phần đất được chia có diện tích 280,4m², đất trồng cây lâu năm (gồm các phần đất ký hiệu T-1, T-2).

- Thiết bị điện tử: 01 máy lạnh Daikin, 01 tivi Sony (trị giá 6.682.000 đồng), 01 tủ lạnh Sharp, 01 máy nước nóng Ferroli.

- Đồ dùng gia đình: 01 bàn Inox tròn, 10 cái ghế Inox Nhật Phi, 01 tủ nhôm kính, 01 tủ chén, 01 tủ quần áo.

- Vật liệu xây dựng: 10 ống 21 B; 15 ống 27 B; 10 ống 34 B; 05 ống 42 B; 05 ống 49 B; 05 ống 60 B; 05 ống 90 B; 11 cây ống 168 3,5ly; 03 cuộn ống dẻo da rắn; 40 ống 114 2,8ly, 15 ống 140 3,5ly; 10 ống 90 3 ly; 05 ống 90 2ly Hoa Sen; 06 ống 114 2ly Hoa Sen; 20 ống 60 1,6 ly; 15 ống 49 1,5ly; 20 ống 42 1,5 ly; 15 ống 34 1,5 ly; 50 ống 27 1,5ly; 65 ống 21 1,5 ly; 100 kg lưới B40; 200 kg Sắt 6, thép M1; 400kg Sắt 8, thép M1; 25 cây Sắt cây phi 10, M; 20 cây Sắt cây phi 12, Miền Nam; 25 bao xi măngVicem H; 05 thiên gạch ống 8x8; 25 tấm Tole fibro; 100 kg đai sắt (tai dê); 25 kg kẽm đen (kẽm cột); 10 kg kẽm chì trắng; 15 kg kẽm chì; 20 tấm tole mỏng trị giá 5.446.667 đồng; 01 cây lưới lan đen trị giá 4.477.333 đồng; 25 cây nẹp điện tròn; 25 cây nẹp điện vuông; 10 tấm tole phẳng mỏng; 03 cây thước nhôm hồ; 11 bóng đèn Rạng đông; 05 cưa sắt cây; 12 chai sơn xịt mịn và 01 cuộn dây điện.

3.2 Anh Nguyễn Hoài T được chia:

- Anh Nguyễn Hoài T được quyền sử dụng diện tích đất là 359,8m², đất trồng cây lâu năm (gồm các phần đất ký hiệu T-3, T-4) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 22/3/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ) trong diện tích 643,9m², qua đo đạc thực tế có diện tích 640,2m², đất

trồng cây lâu năm, thửa số 559, tờ bản đồ số 17 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS22233 do Sở tài nguyên & môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Hoài T và chị Phan Thị Song P vào ngày 26/6/2019.

- Anh Nguyễn Hoài T được quyền sử dụng diện tích đất là 1.173,7 m^2, đất trồng cây lâu năm (gồm phần đất ký hiệu T-5) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 22/3/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ) trong diện tích 2.618,1m^2, (đo đạc thực tế 2.475,2m^2), đất trồng cây lâu năm, thửa số 163, tờ bản đồ số 17 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS22095 do Sở tài nguyên & môi trường tỉnh T cấp cho anh Nguyễn Hoài T và chị Phan Thị Song P vào ngày 14/01/2019.

Đất tại ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ngôi nhà xưởng diện tích 340m^2, cột bê tông, đòn tay bằng gỗ quy cách, nền xi măng, vách tole và ngôi nhà ở diện tích 137,14m^2 loại nhà KCC1, 01 trệt nền lát gạch men, vách tường sơn, mái tole, cửa sắt kéo; sân sau diện tích 39,9m^2; 02 hồ nước thể tích 7,72m^3 (3,86m^3/ hồ).

- 01 chiếc xe tải tự đổ, nhãn hiệu Honda, biển số 63C – 102.55; 01 chiếc xe tải nhỏ, nhãn hiệu KIA, biển số 63C – 001.59 và 01 chiếc xe SH, nhãn hiệu Honda, biển số 63B4 – 681.59.

- Thiết bị điện tử: 02 tủ lạnh Panasonic, 01 máy lạnh Panasonic, 01 tivi Sony (trị giá 5.348.333 đồng), 01 máy giặt S.

- Đồ dùng gia đình: 01 tủ chén, 01 tủ kính, 01 kệ cây và 01 bàn Inox vuông.

- Vật liệu xây dựng: 10 ống 21 B; 15 ống 27 B; 10 ống 34 B; 05 ống 42 B; 05 ống 49 B; 05 ống 60 B; 05 ống 90 B; 01 cái bồn nhựa B; 11 cây ống 168 3,5ly; 40 ống 114 2,8ly, 15 ống 140 3,5ly; 10 ống 90 3 ly; 05 ống 90 2ly Hoa Sen; 06 ống 114 2ly Hoa Sen; 20 ống 60 1,6 ly; 15 ống 49 1,5ly; 20 ống 42 1,5 ly; 15 ống 34 1,5 ly; 50 ống 27 1,5ly; 65 ống 21 1,5 ly; 100 kg lưới B40; 200 kg Sắt 6, thép M1; 400kg Sắt 8, thép M1; 25 cây Sắt cây phi 10, M; 20 cây Sắt cây phi 12, Miền Nam; 25 bao xi măng Vicem H; 05 thiên gạch ống 8x8; 25 tấm Tole fibro; 100 kg đai sắt (tai dê); 25 kg kẽm đen (kẽm cột); 10 kg kẽm chì trắng; 15 kg kẽm chì; 20 tấm tole mỏng trị giá 8.180.000 đồng; 01 cây lưới lan đen trị giá 2.238.667 đồng; 25 cây nẹp điện tròn; 25 cây nẹp điện vuông; 10 tấm tole phẳng mỏng; 03 bàn cầu trệt; 03 cây thước nhôm hồ; 11 bóng đèn Rạng đông; 05 cưa sắt cây; 12 chai sơn xịt mịn, 01 cuộn dây điện và 01 máy bẻ tay dê.

4. Vị trí, kích thước của các phần đất được chia cho các đương sự có sơ đồ đo đạc theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 22/3/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ.

(Có kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 22/3/2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ các cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai để tiến hành các thủ tục cấp quyền sử dụng diện tích đất được chia như nêu trên theo nội dung Quyết định của Bản án này.

3.3 Anh Nguyễn Hoài T phải có nghĩa vụ chia giá trị tài sản lại cho chị Phan Thị Song P là 472.085.813 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Hoài T có nghĩa vụ trả lại cho chị Phan Thị Song P số tiền là 32.425.000 đồng.

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh tiền chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

- Anh Nguyễn Hoài T phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí chia tài sản tổng cộng là 72.322.976 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 7.030.000 đồng theo biên lait hu số 0025401 ngày 28/11/2022 và biên lait hu số 0007401 ngày 08/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên anh T phải nộp tiếp số tiền là 65.292.976 đồng.

- Chị Phan Thị Song P phải chịu án phí chia tài sản là 71.722.976 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án 14.083.000 đồng theo biên lai thu số 0025565 ngày 17/01/2023 và biên lai thu số 0007517 ngày 02/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị P phải nộp tiếp số tiền là 57.639.976 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ái Đoan